

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/11/2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Sương

Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Thanh Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:
Bà **Nguyễn Thị Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Ngọc T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi ĐKTT: tổ 7, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: T6/24, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 7, ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 12/4/2021 nguyên đơn Võ Ngọc T trình bày:

Vào năm 2006 chị và anh Lê Thanh H qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2008. Nữ trang cưới có 10 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng thống nhất bán chi tiêu trong gia đình đã hết.

Sau khi kết hôn chị và anh H sống tại ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Sau đó mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống vì chồng không chí thú làm ăn, thường hay uống rượu và không quan tâm chăm sóc gia đình, thậm chí anh H thường hay vô cớ gây sự xúc phạm, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên can anh H thay đổi để vợ chồng hành gắn tình cảm nhưng không thành dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh H ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Trong thời gian chung sống, chị và anh H có một con chung là Lê Thị Thanh N (sinh ngày 24/8/2007); về tài sản thì vợ chồng không tạo ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ anh chị.

Nay chị Võ Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh H

Về con chung: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Nh, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định (không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/5/2021, phiên tòa ngày 19/10/2021 và 05/11/2021).

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc T đối với anh Lê Thanh H. Về con chung: giao cháu Lê Thị Thanh N (sinh ngày 24/8/2007) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Lê Thanh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con; anh H được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Võ Ngọc T nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm (chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Võ Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn Lê Thanh H có nơi đăng ký thường trú tại ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*có xác nhận của Công an xã Tân Thành ngày 12/4/2021*) là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa thì nguyên đơn Võ Ngọc T vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị, bị đơn Lê Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Võ Ngọc T và anh Lê Thanh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Theo đơn khởi kiện chị T trình bày mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống vì anh H không chí thú làm ăn, thường hay uống rượu và không quan tâm chăm sóc gia đình, thậm chí anh H còn xúc phạm danh dự và đánh đập chị dẫn đến đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Đối với anh H thì từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh H không gửi cho Tòa án ý kiến gì. Qua xác minh đối với bà Lê Thị C và ông Lê V (*bà C, ông V là cha, mẹ ruột của anh H*), thì bà C xác nhận trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do H thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay cự cãi nhau vì vậy chị T bỏ lên Bình Dương làm và vợ chồng đã sống ly thân nhau (*tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2021*). Ngoài ra, bà C và ông V khẳng định có nhận thông báo, giấy mời của Tòa án thay cho anh H, sau khi nhận ông bà đã thông báo cho anh H biết thời gian, địa điểm Tòa mời ngay trong ngày hôm sau nhưng anh H đang làm cho công ty ở thành phố Hồ Chí Minh (*địa chỉ cụ thể thì H không cho biết*) không xin nghỉ được và dịch bệnh Covid-19 bùng phát nên đi lại rất khó khăn, nếu T kiên quyết xin ly hôn thì anh H cũng đồng ý nhưng để Tòa tự giải quyết (*tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2021 và 04/11/2021*). Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục (vợ chồng sống ly thân nhau đã trên 01 năm) thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh H không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T, cho chị T ly hôn với anh Lê Thanh H.

[3.2] *Về con chung*: Chị Võ Ngọc T và anh Lê Thanh H có 01 con chung là Lê Thị Thanh N (sinh ngày 24/8/2007), chị T yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi con và chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Ngày 12/4/2021 cháu Lê Thị Thanh N có bản khai với nguyện vọng là được sống với mẹ (*bút lục 04*). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu N cho chị Võ Ngọc T nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Lê Thanh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền và nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[3.3] *Về quan hệ tài sản*: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Võ Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Ngọc T ly hôn với anh Lê Thanh H

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thanh N (sinh ngày 24/8/2007) cho chị Võ Ngọc T nuôi dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Lê Thanh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh H còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Ngọc T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011893 ngày 12/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Tân Thành, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Ngọc Sương